

THẨM ĐỊNH VỀ NGÔN NGỮ ĐỐI VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

■ TS. NGUYỄN THỊ THU VÂN (*)

Thẩm định văn bản quy phạm pháp luật (VB QPPL) là một giai đoạn của quy trình xây dựng và ban hành VB QPPL, đó là hoạt động đánh giá các khía cạnh khác nhau của dự thảo văn bản, do cơ quan, tổ chức pháp chế có thẩm quyền thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng nội dung, hình thức của dự thảo trước khi trình cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Sự cần thiết hoàn thiện một cách hệ thống và toàn diện pháp luật đặt ra nhiệm vụ nâng cao chất lượng của quá trình xây dựng dự thảo văn bản. Chất lượng của ngôn ngữ có ảnh hưởng lớn đến chất lượng của văn bản pháp luật. Vấn đề thẩm định ngôn ngữ đối với VB QPPL cần được quan tâm cả từ góc độ lý luận lẫn góc độ thực tiễn.

Theo quy định hiện nay, việc thẩm định dự thảo VB QPPL bao gồm đánh giá về sự cần thiết ban hành văn bản, đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo văn bản; sự phù hợp của nội dung dự thảo văn bản với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo văn bản với hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; tính khả thi của dự thảo văn bản, bao gồm sự phù hợp giữa quy định của dự thảo văn bản với yêu cầu thực tế, trình độ phát triển của xã hội và điều kiện bảo đảm để thực hiện; ngôn ngữ, kỹ thuật soạn thảo văn bản.

Thẩm định về ngôn ngữ đối với VB QPPL là việc đánh giá của cơ quan, tổ chức thẩm định về sự phù hợp của nội dung văn bản với ngôn ngữ sử dụng và với các chuẩn mực của ngôn ngữ nói chung và bối cảnh cụ thể của văn bản,

có tính đến đặc trưng riêng về phong cách chức năng pháp luật – hành chính, đảm bảo tính hệ thống, thống nhất của ngôn ngữ sử dụng trong toàn bộ hệ thống văn bản.

Như vậy, thẩm định về ngôn ngữ là một trong những nội dung thẩm định VB QPPL và nội dung này cần được chú trọng trong quá trình soạn thảo văn bản. Tuy nhiên trên thực tế không phải lúc nào người thẩm định văn bản cũng dành thời gian và công sức thoả đáng cho việc xem xét, đánh giá về ngôn ngữ văn bản, dẫn tới trong quá trình xem xét thông qua, cơ quan ban hành mất nhiều thời gian để sửa từ ngữ, câu chữ, hoặc khi văn bản ban hành vẫn còn nhiều lỗi không đáng có, thậm chí gây ảnh hưởng lớn đến nội dung.

Để thẩm định về ngôn ngữ đối với VB QPPL đạt chất lượng cao, người thẩm định cần hiểu rõ đặc điểm, ý nghĩa của thẩm định ngôn ngữ cũng như áp dụng các phương pháp, phương thức thẩm định thống nhất.

Việc thẩm định về ngôn ngữ có những ý nghĩa sau:

Một là, đảm bảo cho văn bản đạt chất lượng cao.

Ngôn ngữ trong văn bản pháp luật thực hiện hai chức năng có quan hệ mật thiết qua lại với nhau: phản ánh ý chí của Nhà nước (truyền đạt mệnh lệnh, thông tin về nội dung của luật) và giao tiếp (đưa ý chí này đến người thực thi các mối quan hệ xã hội, nhờ đó ý chí của nhà làm luật được áp dụng trên thực tế). Chức năng giao tiếp thể hiện ở việc tác động đến ý chí và nhận thức của đối tượng thực hiện, thúc đẩy con người có hành vi đúng quy định, được sử dụng quyền và thực hiện các nghĩa vụ pháp lý.

“Pháp luật phải rõ ràng” – đó là một trong những nguyên tắc được ghi nhận từ thời La Mã

(*) Học viện Hành chính

cổ đại. Để pháp luật dễ hiểu và hiểu đúng và tuân thủ đối với mọi đối tượng tiếp nhận, cần phải tuân theo những chuẩn mực ngôn ngữ nghiêm ngặt. Ngôn ngữ trong VB QPPL không tách biệt với ngôn ngữ phổ thông đồng thời có đặc trưng riêng về sử dụng các phương tiện ngôn ngữ. Bên cạnh đó, việc thẩm định về ngôn ngữ đối với VB QPPL không chỉ dựa trên cơ sở tiêu chí đánh giá tính lô gích và sự phù hợp của văn phong mà còn cần gắn ngôn ngữ với hiện thực ngoài ngôn ngữ cũng như cần sử dụng các lý thuyết tâm lý học ngôn ngữ và giao tiếp về quy luật tiếp nhận nội dung văn bản.

Thẩm định về ngôn ngữ giúp cho cơ quan soạn thảo biên tập lại một lần nữa về ngôn ngữ văn bản, giúp phát hiện những lỗi ngôn ngữ có thể gây khó khăn trong việc tiếp nhận và áp dụng văn bản, đảm bảo cho việc sử dụng ngôn ngữ thể hiện đúng nội dung và phù hợp với văn phong và hoàn cảnh giao tiếp, cũng chính là giúp văn bản đạt chất lượng cao.

Hai là, văn bản được thẩm định kỹ lưỡng về ngôn ngữ giúp cho việc xem xét thông qua văn bản được nhanh chóng, tránh được những tranh cãi về từ ngữ, cách diễn đạt khó hiểu, thuận lợi cho việc hiểu nội dung văn bản. Việc thảo luận, xem xét, thông qua văn bản chỉ cần tập trung vào chính sách thể hiện trong nội dung mà không bị mất thời gian vào sửa từ ngữ, câu chữ.

Ba là, việc thẩm định về ngôn ngữ có ý nghĩa nhất định trong lĩnh vực xây dựng pháp luật. Trong một số trường hợp, do sơ ý của người soạn thảo văn bản đã tạo ra “kế hở” hay sự không rõ ràng để đem lại lợi ích cục bộ cho mỗi ngành hay né tránh trách nhiệm nếu có vấn đề vướng mắc xảy ra. Sự không hợp lý từ góc độ ngôn ngữ ở đây xuất phát từ ý đồ thể hiện nội dung. Trong trường hợp này, người thẩm định cần giữ vai trò là của người phản biện đối với văn bản, tức là phải xem xét văn bản một cách khách quan để tìm ra được những “kế hở” cố ý hay vô ý, phát hiện những chỗ diễn đạt không rõ ràng, lập luận về hậu quả có thể xảy ra và yêu cầu cơ quan soạn thảo nghiên cứu chỉnh sửa.

Việc thẩm định ngôn ngữ đối với VB QPPL đặt ra đối với người thẩm định các yêu cầu sau:

Thứ nhất, hiểu rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan ban hành văn bản. Mỗi cơ quan nhà nước có những nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định và để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đó cơ quan nhà nước

ban hành những văn bản pháp luật với những hình thức pháp lý nhất định. Mỗi loại VB QPPL lại có cách viết riêng và nội dung của nó phải được thể hiện dưới các hình thức quy phạm. Do đó, cơ quan thẩm định phải trả lời câu hỏi là với nội dung dự thảo như vậy thì sử dụng hình thức pháp lý nào là phù hợp.

Thứ hai, để đảm bảo ngôn ngữ sử dụng thể hiện đúng nội dung văn bản, cũng như tránh tình trạng người thẩm định hiểu sai và dẫn tới sửa sai ý đồ của cơ quan ban hành, khi thực hiện thẩm định ngôn ngữ cần xác định rõ về mục đích, ý đồ của dự thảo văn bản, hiểu nội dung cơ bản của văn bản. Trong quá trình thẩm định nói chung và thẩm định về ngôn ngữ nói riêng, nếu có nghi ngờ, băn khoăn về nội dung, cơ quan thẩm định có thể yêu cầu cơ quan soạn thảo làm rõ những vấn đề thuộc nội dung và ý đồ diễn đạt của mình, đồng thời yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm định.

Thứ ba, người thẩm định cần tập hợp các văn bản pháp luật có liên quan và hệ thống các sách, từ điển tra cứu.

Các văn bản pháp luật và tài liệu cần tập hợp bao gồm:

– Các văn bản pháp luật quy định về sử dụng ngôn ngữ trong văn bản như quy định về quy tắc viết hoa, chính tả, phiên âm tiếng nước ngoài.v.v... hay các sách chuyên khảo về văn phong, ngôn ngữ văn bản pháp luật.

– Các loại từ điển thuật ngữ pháp luật, hành chính, các loại từ điển ngôn ngữ phổ thông cũng như từ điển chuyên ngành liên quan đến nội dung dự thảo văn bản để làm công cụ tra cứu từ ngữ, thuật ngữ.

– Các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến nội dung của dự thảo. Việc tập hợp này không chỉ cần thiết khi đánh giá về nội dung mà còn cần khi đánh giá về ngôn ngữ văn bản. Sự thiếu chuẩn xác về ngôn ngữ trong nhiều trường hợp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung văn bản. Ví dụ để tìm hiểu thuật ngữ được sử dụng và giải thích trong dự thảo có thống nhất với văn bản cấp trên và giữa các văn bản cùng cấp hay không thì người thẩm định phải tập hợp các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan để rà soát, đối chiếu.

Thứ tư, người thẩm định cần có kỹ năng nghiệp vụ đánh giá các khía cạnh khác nhau về ngôn ngữ văn bản, nhận dạng lỗi về văn phong, ngôn ngữ, lý giải loại lỗi cũng như hậu quả có

thể xảy ra. Và để nhận xét thẩm định có tính thuyết phục cao, phải có khả năng định hướng hay đưa ra được phương án sửa.

Văn bản pháp luật cần đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của một tác phẩm viết, cũng như đối với tác phẩm báo chí hay nghệ thuật. Một tác phẩm viết sử dụng phương thức diễn đạt độc thoại, được suy nghĩ, cân nhắc trước về ngôn ngữ, có tính liên kết, tính thông tin, tính toàn vẹn về kết cấu – suy nghĩ, tính hoàn chỉnh và đầy đủ. Đặc điểm chung của tác phẩm viết là tuân thủ đúng các quy tắc về ngữ pháp và cú pháp.

Bên cạnh đó, văn bản pháp luật có những đặc trưng riêng về sử dụng cú pháp, từ vựng, dấu câu và tính lô gích về kết cấu. Phong cách của VB QPPL là phong cách chính thức, truyền đạt mệnh lệnh. Ngôn ngữ văn bản pháp luật không phản ánh ý chí chủ quan của riêng một người mà là ý chí của cả xã hội. Ý chí này mang tính quyền lực nhà nước được thể hiện trong các văn bản pháp luật. Vì vậy trong VB QPPL ngôn ngữ không phải hướng tới cảm xúc và tưởng tượng mà hướng tới ý chí, lý trí, thể hiện tính khách quan, trang trọng. Văn bản pháp luật không mô tả sự việc, hiện tượng, các phát minh khoa học, tình cảm, không hô hào khẩu hiệu, không chứng minh, không giải thích và không lôi kéo mà chỉ đưa ra quy tắc hành vi chung cho xã hội. Để ý chí của nhà làm luật đến người thi hành, để đạt được kết quả tác động như mong đợi, cần diễn đạt chính xác, rõ ràng, trong trường hợp ngược lại, có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

Khi thẩm định về ngôn ngữ, văn bản cần được đánh giá ở các khía cạnh sau:

– Phương thức diễn đạt ngôn ngữ đối với các khái niệm pháp lý (các từ lựa chọn và cấu trúc ngữ pháp) phù hợp với ý đồ của chủ thể ban hành.

– Mối tương quan giữa các phương thức trình bày trừu tượng và cụ thể, có tính đến nội dung của vấn đề điều chỉnh và dạng quy phạm dự kiến sử dụng và cách diễn đạt. Việc diễn đạt các quy phạm pháp luật cần phù hợp với tiêu chuẩn được chấp nhận của nền văn minh hiện đại, thể hiện đúng ranh giới hành vi được làm và không được làm.

– Tính hệ thống của thuật ngữ, thể hiện ở sự phù hợp và thống nhất về cách sử dụng và giải thích trong hệ thống văn bản pháp luật hiện hành; các khái niệm được giải thích đảm bảo

các yêu cầu về tính khoa học, tính lô gích, chuẩn về ngữ nghĩa và ngữ pháp. Tránh việc sử dụng thuật ngữ không chính xác, nhầm lẫn về giới hạn ngữ nghĩa.

– Tính chuẩn mực và rõ ràng trong sử dụng từ: dùng từ chính xác, đúng chính tả, đúng quan hệ kết hợp; tránh đa nghĩa hoặc có sự giới hạn rõ ràng về ngữ nghĩa đối với từ đa nghĩa (trong mức độ nào đó đảm bảo tính thống nhất trong cách hiểu); không nên sử dụng quá nhiều thuật ngữ chuyên sâu, cách viết tắt khó hiểu; tránh lặp từ, từ cổ, từ địa phương, khẩu ngữ, sử dụng hợp lý từ Hán-Việt và từ nước ngoài.

– Tính chuẩn mực và rõ ràng về cú pháp: câu được viết theo đúng quy tắc ngữ pháp tiếng Việt; sử dụng đúng và đồng nhất các loại dấu câu; sử dụng câu kể theo trật tự thuận; sử dụng các phương tiện liên kết giúp đảm bảo tính mạch lạc và rõ ràng trong diễn đạt; không nên dùng câu có kết cấu ngữ pháp phức tạp, câu chính phụ có nhiều tầng nấc, thiếu tính lô gích về kết cấu ngữ pháp trong câu. Đồng thời khi làm đơn giản cú pháp, câu cũng không nên ngắn quá, thiếu các thành phần cần thiết, gây khó hiểu. Sử dụng đúng và đồng nhất về cách trình bày tiêu đề các đề mục.

– Tổ chức kết cấu văn bản đảm bảo lô gích, cân đối, rõ ràng; tránh lặp ý hay mâu thuẫn ý, không tách đoạn hay tách đoạn tùy tiện, ngẫu hứng.

Như vậy, trong quá trình thẩm định, cũng như trong quá trình soạn thảo, cần làm việc với văn bản ở cấp độ từ, cấp độ cụm từ và câu, ở cấp độ đoạn văn, ở cấp độ ngữ nghĩa – cú pháp văn bản. Cần đặc biệt đến phân tích ngữ nghĩa của quy định, chuẩn hóa thuật ngữ, cấu trúc lô gích và xu hướng, quy luật phát triển của ngôn ngữ. Kết quả của hoạt động thẩm định còn giúp cho người thẩm định rút ra những nguyên tắc đảm bảo tính chính xác, rõ ràng cho văn bản.

Để việc thẩm định ngôn ngữ đạt chất lượng cao, đòi hỏi có sự đầu tư thời gian, công sức một cách nghiêm túc và công phu. Người thẩm định cần phải có trình độ về ngôn ngữ chuyên ngành, có kiến thức và kỹ năng xử lý về ngôn ngữ, đồng thời am hiểu pháp luật, có kiến thức sâu sắc về văn bản quy phạm pháp luật. Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn trên, thẩm định ngôn ngữ đối với văn bản quy phạm pháp luật cần thực hiện trên cơ sở khoa học liên ngành ngôn ngữ học và luật học □